

## **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá dự toán, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm: Cung cấp hóa chất, sinh phẩm, vật tư tiêu hao phục vụ cho hoạt động dịch vụ (lần 2)

Ngày 08 tháng 04 năm 2025 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành Yêu cầu báo giá số 846/PAS-VTTBYT về việc mời báo giá, đến ngày 18 tháng 04 năm 2025 hết thời gian tiếp nhận báo giá nhưng Viện vẫn chưa nhận đủ báo giá cho tất cả các danh mục dịch vụ. Vì vậy, Viện tiếp tục phát hành Yêu cầu báo giá, kính mời các nhà cung cấp quan tâm báo giá các dịch vụ với các nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ tên người tiếp nhận báo giá: Lê Thị Kiều Oanh

- Chức vụ: Chuyên viên cung ứng - Phòng Vật tư Thiết bị y tế

- Số điện thoại: 0393100100

- Địa chỉ email: [oanhltk@pasteurhcm.edu.vn](mailto:oanhltk@pasteurhcm.edu.vn)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Vật tư Thiết bị y tế - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ lúc thông tin báo giá được đăng tải thành công đến trước 17h00 ngày 29 tháng 04 năm 2025.

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét)

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 29 tháng 04 năm 2025.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá**

1. Danh mục hàng hóa: Theo phụ lục I đính kèm.

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa:

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Hàng hóa được giao từng đợt theo yêu cầu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

Thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán.

5. Biểu mẫu báo giá (để nhà cung cấp tham khảo): Theo phụ lục II đính kèm.

Trân trọng./.



**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Viện trưởng (để b/c);
- PVT Đinh Xuân Thành (để p/h chỉ đạo);
- Phòng HCQT (CNTT) (để thực hiện);
- Lưu: VT, VTTBYT.

**TL. VIỆN TRƯỞNG  
TRƯỞNG PHÒNG  
VẬT TƯ – THIẾT BỊ Y TẾ**

**Lê Việt Hà**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA**  
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số /PAS-VTTBYT ngày tháng 04 năm 2025  
của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

| STT | Danh mục hàng hóa                          | Yêu cầu kỹ thuật chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 1   | Thuốc thử Kovac's                          | Dùng làm thuốc thử nhận biết phản ứng indol trong định danh vi khuẩn.<br>Thành phần: n-Butanol; hydrochloric acid và 4-dimethylaminobenzaldehyde<br>- Dạng lỏng                                                                                                                                                                | ml          | 30       |
| 2   | Thuốc thử Nessler                          | Dùng làm thuốc thử nhận biết sự có mặt NH <sub>3</sub> trong định danh vi khuẩn.<br>Thành phần: Potassium hydroxide, Potassium tetraiodomercurate.<br>Dạng lỏng.                                                                                                                                                               | ml          | 100      |
| 3   | Kit thử nghiệm Latex Staphylococcus aureus | - Xác định và phân biệt Staphylococcus aureus bằng thử nghiệm ngưng kết latex, phát hiện yếu tố ngưng kết, Protein A và một số polysaccharide trong S.aureus kháng methicillin (MRSA) để phân biệt S.aureus với những staphylococci không có các đặc tính này.<br>- Thành phần: gồm thuốc thử mẫu và thuốc thử chứng (control) | Test        | 200      |
| 4   | Kháng huyết thanh Salmonella O đa giá      | Thử nghiệm ngưng kết cụm để định danh Salmonella                                                                                                                                                                                                                                                                               | ml          | 4        |
| 5   | Kháng huyết thanh Salmonella Vi            | Thử nghiệm ngưng kết cụm để định danh Salmonella                                                                                                                                                                                                                                                                               | ml          | 4        |
| 6   | Kháng huyết thanh Salmonella H đa giá      | Thử nghiệm ngưng kết cụm để định danh Salmonella                                                                                                                                                                                                                                                                               | ml          | 2        |
| 7   | Chai nhựa lấy mẫu 1 lít                    | Chai chịu nhiệt, hấp khử trùng được bằng hơi nước<br>Thể tích 1 lít<br>Miệng chai rộng 30 mm                                                                                                                                                                                                                                   | Chai        | 100      |
| 8   | Băng dán cá nhân                           | Sản phẩm có lớp keo, lớp màng Polyethylene<br>Kích thước: 19(±1)mm x (60 - 72) mm.                                                                                                                                                                                                                                             | Miếng       | 45,000   |
| 9   | Bông y tế cắt miếng                        | Thành phần: 100% bông xơ tự nhiên, thấm hút nước<br>- Kích thước: 3cm x 3cm                                                                                                                                                                                                                                                    | Kg          | 110      |
| 10  | Cồn y tế 70 độ                             | Cồn dùng trong lĩnh vực y tế<br>Nồng độ: Ethanol 70%                                                                                                                                                                                                                                                                           | Lít         | 360      |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                                                     | Yêu cầu kỹ thuật chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 11  | Găng tay có bột                                                                                       | Chất liệu: Cao su tự nhiên<br>Loại có bột, dùng cho cả hai tay, hàm lượng bột $\leq 10\text{mg/dm}^2$<br>Bề mặt nhám, có viền cổ tay<br>Chiều dài: 240mm<br>Màu sắc: Trắng<br>Kích thước: Giao theo yêu cầu của Viện khi đặt hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đôi         | 16,500   |
| 12  | Lọ nhựa đựng mẫu 50ml vô trùng                                                                        | Thân lọ được làm từ nhựa PS<br>Nắp màu vàng, có nhãn<br>Thể tích: 55ml                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Lọ          | 2,500    |
| 13  | Đầu côn không lọc có khóa 200 $\mu\text{l}$                                                           | Chất liệu: Nhựa Polypropylene<br>Không chứa DNAase, RNAase<br>Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái         | 20,000   |
| 14  | Đầu côn không lọc có khóa 1000 $\mu\text{l}$                                                          | Chất liệu: Nhựa Polypropylene<br>Không chứa DNAase, RNAase<br>Tương thích với nhiều loại micropipet hiện có trên thị trường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Cái         | 5,000    |
| 15  | Giấy chuyên dụng lau kính quang học                                                                   | Kích thước: 90mm x 72mm<br>Quy cách đóng gói: 500 tờ/hộp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Hộp         | 2        |
| 16  | Cồn y tế 90 độ                                                                                        | Cồn dùng trong lĩnh vực y tế<br>Nồng độ: Ethanol $\geq 90\%$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Lít         | 30       |
| 17  | Bộ kit cho xét nghiệm định lượng Interferon gamma chẩn đoán nhiễm vi khuẩn lao bằng phương pháp ELISA | Bộ kit xét nghiệm Invitro nhằm phát hiện Interferon gamma trong chẩn đoán nhiễm Lao bằng phương pháp ELISA khi sử dụng hỗn hợp 2 kháng nguyên đặc trưng của vi khuẩn Lao: ESAT-6 và CFP-10<br>Bộ kit gồm 2 thành phần:<br>1. Bộ xét nghiệm ELISA định lượng Interferon gamma<br>2. Bộ ống lấy máu bao gồm 4 loại:<br>- 50 Ống chứng Âm<br>- 50 Ống kháng nguyên 1: chứa hỗn hợp kháng nguyên ESAT-6 và CFP-10 kích thích tế bào CD4<br>- 50 Ống kháng nguyên 2: chứa hỗn hợp kháng nguyên ESAT-6 và CFP-10 kích thích tế bào CD4 và CD8<br>- 50 Ống chứng Dương: chứa PHA<br>+ Độ nhạy: 96,5%<br>+ Độ đặc hiệu: 99,7%<br>+ Đạt tiêu chuẩn: ISO13485 | Test        | 220      |

| STT | Danh mục hàng hóa                                                    | Yêu cầu kỹ thuật chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 18  | Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma              | Định tính kháng thể IgG kháng Gnathostoma trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA.<br>Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng<br>Tổng thời gian ủ: tối đa 50 phút<br>Độ nhạy: $\geq 95\%$                             | Test        | 2,880    |
| 19  | Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng Schistosoma spp          | Định tính kháng thể IgG kháng Schistosoma trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA.<br>Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng<br>Tổng thời gian ủ: tối đa 25 phút<br>Độ nhạy: $\geq 98\%$<br>Độ đặc hiệu: $\geq 85\%$ | Test        | 192      |
| 20  | Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Cysticercosis (T.Solium) | Định tính kháng thể IgM kháng Cysticercosis (T.Solium) trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA.<br>Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng<br>Tổng thời gian ủ: tối đa 50 phút                                        | Test        | 192      |
| 21  | Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Echinococcus             | Định tính kháng thể IgM kháng Echinococcus trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA.<br>Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng<br>Tổng thời gian ủ: tối đa 50 phút                                                    | Test        | 192      |
| 22  | Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgM kháng Ascaris                  | Định tính kháng thể IgM kháng Ascaris trong huyết thanh người bằng kỹ thuật ELISA.<br>Thành phần tối thiểu gồm có: Test Strips, Enzyme Conjugate, Chứng dương, Chứng âm, Cơ chất TMB, Dung dịch rửa, Dung dịch pha loãng, Dung dịch dừng phản ứng<br>Tổng thời gian ủ: tối đa 50 phút                                                         | Test        | 192      |
| 23  | Dãy 4 ống 0,1ml và nắp cho PCR                                       | - Dây gồm: 4 ống 0,1ml liền nhau; 4 nắp phẳng liền nhau<br>- Chất liệu: Polypropylene<br>- Không chứa DNase, Rnase và DNA người                                                                                                                                                                                                               | Cái         | 2,000    |
| 24  | Bộ kháng huyết thanh Shigella                                        | Dùng trong thử nghiệm ngưng kết cụm nhằm xác định loài Shigella. Thành phần: gồm nhóm A: S. dysenteriae, nhóm B: S. flexneri, nhóm C: S. boydii, nhóm D: S. sonnei.<br>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương                                                                                                                            | ml          | 8        |

| STT | Danh mục hàng hóa                                         | Yêu cầu kỹ thuật chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 25  | Kit thử nghiệm ngưng kết Streptococcus pneumoniae         | Dùng trong thử nghiệm hạt ngưng kết nhanh, phát hiện phẩy cầu, phản ứng qua kháng thể gắn trên hạt latex.<br>Thành phần: thuốc thử chứa các hạt latex được phủ kháng huyết thanh phẩy cầu khuẩn, chất chuẩn (control dương và control âm).                                                                                                                                                                         | Test        | 50       |
| 26  | Kit thử nghiệm định danh ngưng kết Streptococcus          | Dùng trong thử nghiệm hạt ngưng kết nhanh, phản ứng qua kháng thể gắn trên hạt latex, nhằm xác định liên cầu nhóm A, B, C, D, F, G theo xếp loại của Lancefield. Thành phần: gồm enzyme, các lọ thuốc thử liên cầu nhóm A, B, C, D, F, G và chất chuẩn (control dương).                                                                                                                                            | Test        | 50       |
| 27  | Môi trường Pseudomonas CN Agar Base                       | Thành phần như sau:<br>Gelatine Peptone (hoặc Enzymatic digest of gelatine) 16,0 g/l;<br>Casein Hydrolystae 10,0 g/l;<br>Potassium Sulfate (anhydrous) 10,0 g/l;<br>Magnesium Chloride (anhydrous) 1,4 g/l;<br>Cetrimide 0,2 g/l<br>Nalidixic Acid (hoặc Sodium nalidixate) 0,015 g/l<br>Glycerol 10,0 g/l (có hoặc không có)<br>Agar (hoặc Bacteriological agar) 11-18 g/l<br>Quy cách đóng gói tối đa: 500g/chai | Gram        | 1,500    |
| 28  | Môi trường T.S.C. Agar Base (Tryptose Sulfite Cycloserin) | Thành phần như sau:<br>- Peptone (hoặc Enzymatic digest of casein) 15 g/l<br>- Enzymatic digest of soya 5 g/l<br>- Yeast extract 5 g/l<br>- Sodium Disulfite (hoặc Sodium metabisulphite) (Anhydrous) 1 g/l<br>- Iron(III) Ammonium Citrate (hoặc Ferric ammonium citrate) 1 g/l<br>- Bacteriological agar 9-18 g/l<br>Quy cách đóng gói tối đa: 500g/chai                                                         | Gram        | 1,500    |
| 29  | Môi trường Slanetz-Bartley Medium (Không có TTC)          | Thành phần như sau:<br>- Tryptose 20 g/l<br>- Yeast extract 5 g/l<br>- Glucose (hoặc D(+)-Glucose) 2 g/l<br>- Dipotassium hydrogenphosphate (hoặc Disodium hydrogen phosphate monohydrate hoặc Dipotassium phosphate) 4 g/l<br>- Sodium azide 0,4 g/l<br>- Agar (hoặc Bacteriological agar) 8-18 g/l;<br>Quy cách đóng gói tối đa 500g/chai                                                                        | Gram        | 1,000    |

| STT | Danh mục hàng hóa                                     | Yêu cầu kỹ thuật chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 30  | Môi trường Sabouraud + Chloram Agar                   | Thành phần như sau:<br>- Enzymatic Digest of Casein (casein peptone) 5,0g/l<br>- Enzymatic Digest of Animal Tissue 5,0g/l<br>- Glucose (Dextrose) 40,0g/l<br>- Chloramphenicol 0,05-0,5g/l<br>- Agar (Bacteriological agar) 12,0-15,0g/l<br>Quy cách đóng gói tối đa 500g/chai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Gram        | 1,000    |
| 31  | Môi trường Chromocult Coliform Agar(CCA)              | Thành phần như sau:<br>- Enzymatic Digest of Casein 1,0 g/l;<br>- Yeast Extract 2,0 g/l;<br>- Sodium Chloride 5,0 g/l;<br>- Sodium Dihydrogen Phosphate x 2H <sub>2</sub> O (hoặc Sodium Dihydrogen Phosphate hoặc Sodium dihydrogen phosphate dehydrate 2H <sub>2</sub> O) 2,2 g/l;<br>- Di-sodium Hydrogen Phosphate 2,7 g/l;<br>- Sodium Pyruvate 1,0 g/l;<br>- Sorbitol 1,0 g/l;<br>- Tryptophane 1,0 g/l;<br>- Tergitol 15-S-7 (hoặc Tergitol 7) 0,15 g/l<br>- 6-chloro-3-indoxyl-beta-D galactopyranoside (hoặc Salmon-beta-D galactosid hoặc Salmon-GAL) 0,2 g/l;<br>- 5-Bromo-4-chloro-3-indoxyl-β-D glucuronic acid (hoặc X-Glucuronide hoặc X-beta-G-glucuronide CHX salt) 0,1 g/l;<br>- Isopropyl-beta-D-thiogalactopyranoside (hoặc IPTG) 0,1 g/l;<br>- Agar (hoặc Bacteriological agar) 9-18 g/l;<br>- Quy cách đóng gói tối đa 500g/chai | Gram        | 1,000    |
| 32  | Môi trường BGBL (Brilliant Green Lactose Bile Broth ) | Thành phần như sau:<br>- Enzymatic digest of casein (Peptic Digest of Animal Tissue hoặc Peptone) 10g/l<br>- Brilliant green 0,0133g/l (13,3mg/l)<br>- Lactose 10g/l<br>- Dehydrated ox Bile (hoặc Ox Bile hoặc Ox Bile (purified) hoặc Ox gall 20g/l<br>- Quy cách đóng gói tối đa 500g/chai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Gram        | 2,500    |
| 33  | Thiết bị trợ pipet cầm tay                            | Loại điện tử<br>Thích hợp với các loại pipet thủy tinh hoặc nhựa với thể tích 1-100ml<br>- Tốc độ hút: 9 - 10 ml/s<br>- Màng lọc kị nước có thể hấp khử trùng được<br>- Có thể điều chỉnh tốc độ hút nhả chất lỏng<br>- Cảnh báo pin yếu<br>- Đầu silicon có thể hấp tiệt trùng ở 121°C<br>- Có giá đỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cái         | 3        |

| STT | Danh mục hàng hóa                                      | Yêu cầu kỹ thuật chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                 | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 34  | Nhiệt kế điện tử có đầu dò                             | Chương trình báo động bằng âm thanh<br>Thang đo nhiệt độ: -50°C đến 100°C<br>Sai số cho phép: $\pm 1^{\circ}\text{C}$<br>Độ phân giải: $0,1^{\circ}\text{C}/^{\circ}\text{F}$<br>Nguồn điện: pin<br>Đầu dò có khả năng chống thấm nước.<br>Phím chức năng MIN/MAX, FRIDGE/ROOM, ALARM SET | Cái         | 10       |
| 35  | Nhiệt ẩm kế điện tử                                    | Đo nhiệt độ trong phòng, màn hình hiển thị độ ẩm<br>Đơn vị nhiệt độ: $^{\circ}\text{C}/^{\circ}\text{F}$ thay đổi<br>2 chế độ hiển thị thời gian: 12h/24h<br>Nhiệt độ : $-10^{\circ}\text{C} \sim 50^{\circ}\text{C}$<br>Độ ẩm: 10 % RH ~ 99 % RH                                         | Cái         | 10       |
| 36  | Đèn Halogen                                            | Dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động<br>Nguồn điện: 12V<br>Công suất: 50W                                                                                                                                                                                                             | Cái         | 4        |
| 37  | Dung dịch NaOH-D                                       | Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm: NaOH 1 mol/L (khoảng 4 %); chất tẩy                                                                                                                                                                                                            | ml          | 1,980    |
| 38  | Ống đo xét nghiệm tốc độ máu lắng                      | Dùng cho xét nghiệm tốc độ lắng máu<br>Thể tích 1,5 ml<br>Thành phần nhựa Polypropylene.<br>Chứa chất chống đông Natri citrate<br>Sử dụng trên máy tốc độ máu lắng LENA NE thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh                                                            | Ống         | 200      |
| 39  | Chất kiểm chuẩn dùng cho xét nghiệm đo tốc độ máu lắng | Chất kiểm chuẩn để kiểm soát chất lượng xét nghiệm tốc độ máu lắng<br>Sử dụng trên máy tốc độ máu lắng LENA NE thuộc sở hữu của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh<br>Quy cách: 2x1.5ml/hộp                                                                                               | ml          | 6        |
| 40  | Dung dịch dùng để phát tín hiệu điện hóa               | Thuốc thử - dung dịch tham gia xét nghiệm: Đệm phosphate 300 mmol/L; tripropylamine 180 mmol/L; chất tẩy $\leq 0,1\%$ ; pH 6,8<br>Quy cách: 2x2 Lít/hộp                                                                                                                                   | Lít         | 60       |

| STT | Danh mục hàng hóa                    | Yêu cầu kỹ thuật chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Đơn vị tính | Số lượng |
|-----|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|
| 41  | Ống trữ lạnh tiệt trùng 2 ml nắp vặn | <p>Ống trữ lạnh tiệt trùng tự đứng 2ml, có nhãn viết và có vạch chia</p> <p>Chất liệu: Polypropylene</p> <p>Nắp vặn ngoài, nắp đóng kèm với ống, có roong cao su ở nắp chống tràn đổ</p> <p>Không chứa DNase, Rnase</p> <p>Có thể hấp tiệt trùng</p> <p>Có thể đông lạnh và rã đông nhiều lần</p> <p>Chịu được nhiệt độ từ -86°C đến 121°C</p> | Cái         | 12,000   |
| 42  | Băng keo lựu y tế                    | <p>Kích thước 2,5cmx5m</p> <p>Chất liệu: Vải được tráng keo acrylic hoặc kẽm oxit</p>                                                                                                                                                                                                                                                          | Cuộn        | 700      |
| 43  | Gạc y tế                             | <p>Kích thước: 5cm x 6,5cm x 12 lớp</p> <p>Chất liệu: 100% sợi cotton.</p> <p>Quy cách: 10 miếng/gói</p>                                                                                                                                                                                                                                       | Gói         | 1,500    |
| 44  | Nước muối sinh lý                    | <p>Nồng độ NaCl 0,9%</p> <p>Quy cách: tối đa 1 lít/chai</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Lít         | 25       |
| 45  | Băng cuộn y tế                       | <p>Kích thước: 0,1m x 2m</p> <p>Chất liệu: 100% cotton</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cuộn        | 300      |

**Phụ lục II**  
**Biểu mẫu báo giá (để nhà cung cấp tham khảo)**  
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số            /PAS-HCQT ngày            tháng 04 năm 2025 của Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh)

**BÁO GIÁ<sup>(1)</sup>**

**Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]**

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi....[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các ..... (Tên hàng hóa) như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa và dịch vụ liên quan

| STT | STT trong danh mục yêu cầu của Viện | Danh mục hàng hóa <sup>(2)</sup> | Ký, nhãn hiệu, model, mã hàng | Hãng sản xuất <sup>(3)</sup> | Mã HS (nếu có) <sup>(4)</sup> | Năm sản xuất (nếu có) <sup>(5)</sup> | Xuất xứ <sup>(6)</sup> | Quy cách đóng gói (nếu có) | Đơn vị tính (ghi theo yêu cầu báo giá của Viện) | Số lượng/khối lượng <sup>(7)</sup> | Đơn giá có VAT <sup>(8)</sup><br>(VND) | Thành tiền có VAT <sup>(11)</sup><br>(VND) | Mức thuế (ghi % thuế 5 hoặc 8 hoặc 10) |
|-----|-------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1   |                                     | ...                              |                               |                              |                               |                                      |                        |                            |                                                 |                                    |                                        |                                            |                                        |
| 2   |                                     | ....                             |                               |                              |                               |                                      |                        |                            |                                                 |                                    |                                        |                                            |                                        |
| n   |                                     | ...                              |                               |                              |                               |                                      |                        |                            |                                                 |                                    |                                        |                                            |                                        |

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ..... ngày [ghi cụ thể số ngày phù hợp với yêu cầu tại khoản 5 Mục I của Yêu cầu báo giá], kể từ ngày ..... tháng ..... năm .....[ghi ngày ..... tháng ..... năm ..... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I của Yêu cầu báo giá]

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp<sup>(12)</sup>**

*(Ký tên, đóng dấu (nếu có))*

**Ghi chú:**

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại hàng hóa trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của hàng hóa.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế (nếu hàng hóa được phân loại là thiết bị y tế).

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất (nếu có), xuất xứ của hàng hóa.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng hàng hóa.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng hàng hóa; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước (nếu có).

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng hàng hóa.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng hàng hóa. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng hàng hóa (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

